

Bản án số: 05/2021/DS-ST

Ngày: 08 -01- 2021

V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp hội”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Mai

Bà Phạm Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Lanh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp: “Hợp đồng góp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2020/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên Tòa số: 86/2020/QĐST- DS ngày 22 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Dương Thị T, sinh năm: 1945 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 6, xã L, huyện B, tỉnh T.

- Bị đơn: Nguyễn Thị N, sinh năm: 1955 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 8, xã L, huyện B, tỉnh T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Văn L, sinh năm: 1958 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 8, xã L, huyện B, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L:

Bà Nguyễn Thị N là bị đơn trong vụ án tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền đề ngày 28/10/2020.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/7/2020, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Dương Thị T trình bày:

Bà có trực tiếp tham gia chơi trong 06 dây hội tháng do bà Nguyễn Thị N làm chủ. Việc chơi hội bà N có viết cho bà giấy ghi hội. Hình thức chơi hội là ai bỏ thăm cao thì được hốt, chủ hội có hưởng huê hồng 50% mệnh giá hội chơi. 06 dây hội bà tham gia chơi cụ thể như sau:

- Dây hội thứ 1: Mệnh giá 3.000.000 đồng, khai vào ngày 24/12/2017 âm lịch, dây hội có 20 phần, tháng khai 01 lần vào ngày 24 hàng tháng, bà chơi 01 phần. Dây hội này bà đóng được 13 kỳ hội sống số tiền là 29.815.000 đồng chưa hốt thì dây hội bị bể vào tháng 01/2019 đến nay.

- Dây hội thứ 2: Mệnh giá 5.000.000 đồng, khai vào ngày 05/01/2018 âm lịch, dây hội có 20 phần, tháng khai 01 lần vào ngày 05 hàng tháng, bà chơi 01 phần. Dây hội này bà đóng được 13 kỳ hội sống đến lần khai thứ 14 bà bỏ thăm hốt hội (Giá bỏ thăm bao nhiêu bà không nhớ do lâu quá) số tiền hốt được là 65 triệu đồng nhưng chủ hội là bà N không giao tiền hội hốt cho bà, bà N xin trả tiền vốn cho bà dây hội này là 45.600.000 đồng.

- Dây hội thứ 3: Mệnh giá 5.000.000 đồng, khai vào ngày 19/4/2018 âm lịch, dây hội có 20 phần, tháng khai 01 lần vào ngày 19 hàng tháng, bà chơi 01 phần. Dây hội này bà đóng được 09 kỳ hội sống số tiền là 33.945.000 đồng chưa hốt thì dây hội bị bể vào tháng 01/2019 đến nay.

- Dây hụi thứ 4: Mệnh giá 1.000.000 đồng, khui vào ngày 09/5/2018 âm lịch, dây hụi có 20 phần, tháng khui 01 lần vào ngày 09 hàng tháng, bà chơi 01 phần. Dây hụi này bà đóng được 09 kỳ hụi sống số tiền là 6.595.000 đồng chưa hốt thì dây hụi bị bể vào tháng 01/2019 đến nay.

- Dây hụi thứ 5: Mệnh giá 5.000.000 đồng, khui vào ngày 25/8/2018 âm lịch, dây hụi có 20 phần, tháng khui 01 lần vào ngày 25 hàng tháng, bà chơi 01 phần. Dây hụi này bà đóng được 05 kỳ hụi sống số tiền là 18.500.000 đồng chưa hốt thì dây hụi bị bể vào tháng 01/2019 đến nay.

- Dây hụi thứ 6: Mệnh giá 2.000.000 đồng, khui vào ngày 04/11/2018 âm lịch, dây hụi có 20 phần, tháng khui 01 lần vào ngày 04 hàng tháng, bà chơi 01 phần. Dây hụi này bà đóng được 04 kỳ hụi sống số tiền là 6.015.000 đồng chưa hốt thì dây hụi bị bể vào tháng 01/2019 đến nay.

Tổng số tiền hụi mà bà đã đóng cho bà N chưa được hốt số tiền là 140.470.000 đồng. Bà còn nợ bà N số tiền hụi chết trong dây hụi nào bà không nhớ số tiền là 13.500.000 đồng. Sau khi bể hụi bà N có trả cho bà được số tiền là 70.000.000 đồng bằng việc hụi viên khác gặt đóng hụi chết cho bà và 3.000.000 đồng. Bà N còn nợ lại bà số tiền hụi là 53.970.000 đồng chưa trả cho đến nay. Bà chỉ khởi kiện yêu cầu trả số tiền nợ hụi là 53.000.000 đồng.

Quá trình chơi hụi chồng bà N là ông L có biết bà N làm chủ hụi. Quá trình chơi hụi, khui hốt hụi tập trung tại nhà bà N.

Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn L phải liên đới trả lại cho bà số tiền hụi là 53.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi suất.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà T khởi kiện vợ chồng bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn L phải liên đới trả lại cho bà số tiền hụi là 53.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi suất.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 30/10/2020 và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Qua phần trình bày của bà Dương Thị T bà hoàn toàn thống nhất và đồng ý. Bà thừa nhận còn nợ bà T số tiền hội sống chưa trả là 53.000.000 đồng, Số tiền nợ hội này bà xin trả dần hằng tháng là 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ. Bà làm chủ hội để lấy tiền huê hồng phục vụ cho sinh hoạt gia đình nhưng chỉ được lúc ban đầu sau này hội viên hốt không đóng nên không có tiền choàng hội, kể cả bà bán đất không đủ tiền trả. Bà làm chủ hội khai hội tại nhà bà, chồng bà có biết bà làm chủ hội nhưng không có tham gia, sau khi bỏ hội chồng bà cũng đồng ý cùng bà trả nợ.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 26, 35, 39, 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L vắng mặt có ủy quyền nên xét xử vắng mặt là đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự, Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 29 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phùng. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị T. Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn L phải liên đới trả cho bà Dương Thị T số tiền hội 53.000.000 đồng. Ghi nhận bà Dương Thị T không yêu cầu trả lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn khởi kiện nguyên đơn bà Dương Thị T khởi kiện vợ chồng bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn L yêu cầu trả số tiền góp hụi là 107.500.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, bà T chỉ khởi kiện bà N và ông L yêu cầu trả số tiền góp hụi theo sự thừa nhận của bà N là 53.000.000 đồng. Bà T đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của bà T không vượt quá phạm vi đơn khởi kiện trước đây của bà T, phù hợp Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị T đối với ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị N yêu cầu trả số tiền nợ góp hụi (Tiền hụi sống đã đóng) số tiền là 53.000.000 đồng.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, bà Nguyễn Thị N hoàn toàn thừa nhận bà còn nợ bà T số tiền hụi đến nay chưa trả là 53.000.000 đồng, phù hợp với khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử công nhận, nguyên đơn bà T không phải chứng minh. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu bà N và ông L phải trả cho bà T số tiền nợ hụi là 53.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 15, 16, 17, 23, 25 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biếu, phụng dưỡng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Bà N xin trả dần số tiền nợ hụi nêu trên hằng tháng là 1.000.000 đồng nhưng không được bà T chấp nhận và pháp luật cũng không quy định cho trả dần, đây là giai đoạn thi hành án nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Bà T không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nợ hụi 53.000.000 đồng của các dây hụi nêu trên. Đây là sự tự nguyện của bà T nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xét đến.

[6] Bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà N và ông L cùng liên đới trả nợ hụi số tiền 53.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Số tiền nợ hụi 53.000.000 đồng được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa bà N và ông L, ông bà hiện nay còn chung sống, hôn nhân vẫn còn tồn tại. Bà N khẳng định bà làm chủ hụi hưởng huê hồng và sử dụng vào mục đích sinh hoạt và chi tiêu cho gia đình. Ông L chồng

bà N có biết. Bà N trình bày chồng bà ông L đồng ý cùng bà trả nợ. Do đó, bà N và ông L phải có trách nhiệm liên đới cùng trả số tiền nợ góp hụi 53.000.000 đồng cho bà T là đúng quy định pháp luật tại Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà N và ông L là người cao tuổi (Có đơn xin miễn nộp tiền án phí đề ngày 28/10/2020). Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà N và ông L miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 288, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 5, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 15, 16, 17, 24, 25 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biên, phường; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị T đòi bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn L trả tiền nợ góp hụi.

2. Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn L phải có nghĩa vụ lên đới trả cho bà Dương Thị T số tiền góp hụi là 53.000.000 đồng (Năm mươi ba triệu đồng).

3. Ghi nhận bà Dương Thị T không yêu cầu trả lãi suất của số tiền hụi nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn L miễn nộp án phí.

Bà Dương Thị T là người cao tuổi không có nộp tiền tạm ứng án phí nên không có hoàn trả.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự trong vụ án có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương